TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/DS-PT
Ngày: 13-3-2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tấn Lợi

Ông Đinh Chí Tâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Điểu- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 552/2024/TLPT- DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Văn M, sinh năm 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà D, ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn M là Luật sư Nguyễn Văn V, Văn phòng luật sư Nguyễn Văn V, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường T, Khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

2. Bị đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số C, H, quận H, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là Ông Phan Đức T-Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Đức T là Ông Nguyễn Thanh L - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh L là ông Phan Văn C, sinh năm 1978 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, Đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

3.1. Ông Lâm Văn L1, sinh năm 1949 - Chủ doanh nghiệp tư nhân V1. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn L1 là ông Quách Thanh P, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số D, đường N, Khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 13/02/2025). (Có mặt)

3.2. Ông Phan Văn C, sinh năm 1978- Chức vụ: Nguyên Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1. (Có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh L.

- Người đại diện theo pháp luật là bà Võ Thị Mỹ L2 - Chức vụ: Chi cục Trưởng. (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số E, đường T, khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

3.4. Lê Thị D, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số D, ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị D là ông Huỳnh Văn M (theo hợp đồng ủy quyền ngày 23/01/2025). (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Huỳnh Văn M là nguyên đơn; Bà Lê Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Nguyên đơn ông Huỳnh Văn M trình bày*:** Ngày 17/6/2015, ông có bảo lãnh cho Doanh nghiệp tư nhân V1 để thế chấp tài sản của ông là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 367, 368, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, đất tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An để đảm bảo khoản vay của Doanh nghiệp tư nhân V1 tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), số tiền 435.000.000 đồng vào ngày 27/10/2010.

Quá trình vay, Doanh nghiệp tư nhân V1 không thực hiện việc trả nợ vốn và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng. Đến tháng 01/2021, số tiền vốn và lãi là 665.000.000 đồng. Ngày 08/02/2021, ông Phan Văn Cường N Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp, đại diện Ngân hàng yêu cầu ông trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 665.000.000 đồng theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết, ông đã nộp trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi là 665.000.000 đồng ngày 08/02/2021

(có giấy nộp tiền mặt kèm theo) nhưng Ngân hàng không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Sau đó, ông có khiếu nại gửi đến Ngân hàng mới biết được trước đó Chi cục Thi hành án huyện Tân Hưng, tỉnh Long An có Văn bản số 75/ĐN.CCTHA ngày 01/02/2021 gửi Ngân hàng đề nghị không giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, kể cả khi ông đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, lý do ông còn phải thi hành nhiều bản án của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp và Tòa án nhân huyện T, tỉnh Long An.

Theo Quyết định số 01/2019/QĐST-DS ngày 20/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C yêu cầu Doanh nghiệp tư nhân V1 do ông Lâm Văn L1 làm chủ có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng chứ không phải ông trả tiền cho Ngân hàng.

Nay ông yêu cầu Ngân hàng trả lại cho ông số tiền 665.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 08/02/2021 - 08/11/2023 (33 tháng) x 665.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 364.287.000 đồng, tổng cộng là 1.029.287.000 đồng và tiếp tục tính lãi đến ngày trả xong số tiền trên; yêu cầu Ngân hàng trả lại cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K249776, diện tích 45.725m^2, thuộc thửa 367, 368, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 22/02/1997.

Tại phiên tòa, ông yêu cầu Ngân hàng trả lại cho ông số tiền 665.000.000đồng và tiền lãi từ 08/02/2021 - 08/6/2024 (40 tháng) x 665.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 444.560.000 đồng, tổng cộng là 1.106.560.000 đồng; yêu cầu Ngân hàng trả lại cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 249776, diện tích 45.725m^2, thuộc thửa 367, 368, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông ngày 22/02/1997.

- Bị đơn ông Phan Văn C đại diện Ngân hàng TMCP Đ trình bày: Ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị D (vợ ông M) đã dùng tài sản của mình là Q sử dụng thửa đất số 367, 368 có tổng diện tích 45.725m^2, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng: đất lúa, đất tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K249776 do Ủy ban huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông M ngày 22/02/1997 để đảm bảo nợ vay cho Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Vạn Lợi tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 theo Hợp đồng thế chấp số 126/HĐ ngày 27/10/2010 đã được ký kết giữa bên thế chấp là ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D với Ngân hàng.

Khoản vay của doanh nghiệp tư nhân V1 được đảm bảo bằng tài sản của ông M tại Ngân hàng nêu trên đã quá hạn và chuyển sang nợ xấu từ năm 2018. Trong quá trình xử lý nợ xấu của V1, Ngân hàng nhiều lần làm việc với V1 cũng như bên thế chấp là ông M đề nghị thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, nhưng V1 và ông Huỳnh Văn M không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Nên Ngân hàng đã khởi kiện V1, người có nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ cho V1 là ông Huỳnh Văn M và

bà Lê Thị D (vợ ông M) và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An thực hiện thi hành án.

Ngày 01/02/2021, Ngân hàng nhận được Công văn số 75/ĐN.CCTHA ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An với nội dung đề nghị Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 không giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 367, 368 có tổng diện tích 45.725 m^2, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng: đất lúa số K249776 do Ủy ban huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 22/02/1997 cho ông Huỳnh Văn M kể cả khi ông M đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng *(có bản sao văn bản kèm theo)*. Do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng đã bán đấu giá thành tài sản là quyền sử dụng đất của ông M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K249776 số tiền 1.700.000đồng tại thời điểm ngày 13/01/2021 để ưu tiên thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 của ông M đối với V1. Sau đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An đã chuyển tiền đến Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 số tiền 672.809.590 đồng *(có bản sao lệnh chuyển kèm theo)* để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nợ của ông M đối với V1 tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 từ tiền bán đấu giá thành tài sản là quyền sử dụng đất của ông M theo Giấy chứng nhận quyến sử dụng đất số K 249776. Ngân hàng đã tiến hành thu nợ, tất toán nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng của ông M đối với V1 bởi số tiền mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An đã chuyển trên chứ không liên quan gì đến số tiền cá nhân của ông M, Ngân hàng đã xuất kho tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số K249776 và bàn giao tài sản này tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An (người nhận tài sản là Chấp hành viên Hồ Văn D1, CMND số 300761961 do Công an tỉnh L cấp ngày 14/09/2011) theo đúng quy định.

Ngày 08/02/2021, ông M đến Ngân hàng đề nghị mở tài khoản tiền gửi thanh toán không kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 (có bản sao y bản chính đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản cá nhân là tài khoản thanh toán không kỳ hạn của ông Huỳnh Văn M ngày 08/02/2021 kèm theo) và nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán không kỳ hạn mới mở với số tài khoản 691-10-00-061777-1 số tiền 665.000.000 đồng (có bản sao giấy nộp tiền mặt ngày 08/02/2021 kèm theo) và bảo sẽ làm việc với Cơ quan Thi hành án để mua lại tài sản của ông đã bị bán đấu giá thành. Như vậy, vấn đề ông M gửi tiền tại N2 - Chi nhánh Đ1 để chờ thỏa thuận với Cơ quan Thi hành án mua lại tài sản của ông M đã bị bán đấu giá thành là ngoài phạm vi trách nhiệm của Ngân hàng. Ngân hàng đã thực hiện mở tài khoản thanh toán không kỳ hạn theo đề nghị của ông M và cũng không riêng gì ông M mà tất cả các khách hàng cá nhân đều thuộc đối tượng được quyền mở tài khoản thanh toán theo quy định của Ngân hàng, của Ngân hàng N3 và Pháp luật về tiền gửi thì Ngân hàng đều thực hiện

mở theo đề nghị đúng quy định. Còn việc thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản tiền gửi thanh toán như nộp tiền mặt, rút tiền mặt, thanh toán,... của ông M thì đó là quyền của cá nhân chủ sở hữu tài khoản.

Việc đề nghị mở tài khoản thanh toán không kỳ hạn cá nhân và nộp tiền mặt vào tài khoản của ông M mở tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện theo đề nghị của ông M, Ngân hàng chỉ thực hiện theo yêu cầu của khách hàng theo quy định về tiền gửi đúng quy định pháp luật. Hiện tại, số dư tài khoản của ông đến ngày 04/02/2024 mở tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 là 667.472.704đồng bao gồm số tiền gốc nộp ngày 08/02/2021 là 665.000.000 đồng và số tiền lãi nhập gốc không kỳ hạn phát sinh định kỳ hàng tháng *(có bản sao kê tài khoản từ ngày mở tài khoản đến ngày 04/02/2024 kèm theo)* theo đúng quy định.

Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh Đ1 không đồng ý với nội dung khởi kiện và khởi kiện bổ sung của ông Huỳnh Văn M. Hiện tại khoản vay của V1 tại Ngân hàng đã tất toán và hoàn thành xong tất cả nghĩa vụ của V1 và của ông Huỳnh Văn M tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1. Ngân hàng đã thực hiện theo đúng quy định của Ngân hàng; quy định của Ngân hàng N3 và của Pháp luật.

Ngân hàng yêu cầu ông M phải xin lỗi Ngân hàng và những người có liên quan do làm mất thời gian, ảnh hưởng đến công việc của Ngân hàng và những người có liên quan nhưng Ngân hàng không làm đơn khởi kiện.

- Ông Phan Văn C trình bày: Ông C thống nhất lời trình bày của đại diện Ngân hàng.

- Ông Quách Thanh P là người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn L1 trình bày: Ngày 27/10/2010, ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị D có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K249776, diện tích 45.725m^2, thuộc thửa 367, 368, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông M ngày 22/02/1997 để đảm bảo khoản vay 435.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 126/HĐ ngày 27/10/2010 của ông Lâm Văn L1 - Chủ V1. Đến năm 2016, ông Lâm Văn L1 - Chủ V1 mất khả năng trả nợ. Sau đó, Ngân hàng khởi kiện ông L1 - Chủ V1. Ngày 20/3/2019, Tòa án nhân dân thành phố C ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-DS, theo đó Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 yêu cầu ông Lâm Văn L1 - Chủ V1 do ông lài làm chủ và cá nhân ông L1 trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 700.000.000đồng và tiền lãi là 90.062.000đồng, tổng cộng vốn và lãi là 790.062.000đồng. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp số 87/2015/54566/HĐBĐ ký ngày 17/6/2015 giữa Ngân hàng với ông L1 và hợp đồng thế chấp số 126/HĐ

ngày 27/10/2010 giữa Ngân hàng với ông M, bà D. Ông L1 - Chủ V1 do ông L1 làm chủ và cá nhân ông L1 đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn và tiền lãi là 790.062.000đồng. Sau khi ông L1 - Chủ V1 do ông L1 làm chủ và cá nhân ông L1 đã trả xong cho Ngân hàng số tiền trên, ông L1 đồng ý nhận lại tài sản thế chấp. Ngày 08/02/2021, ông M có mở tài khoản cá nhân số tiền 665.000.000đồng tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1. Sau đó, ông L1 - Chủ V1 do ông L1 làm chủ và cá nhân ông L1 không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng và ông M còn thiếu nhiều khoản nợ khác nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An có Công văn số 318/CV-THADS, ngày 30/6/2021 đề nghị Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 phong tỏa tài khoản cá nhân của ông M đới với số tiền gửi 665.000.000đồng. Ngày 25/3/2021, Chi cục THADS huyện T có Công văn số 161/ĐN.CCTHA đề nghị Ngân hàng giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K249776, diện tích 45.725m^2, thuộc thửa 367, 368, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông M ngày 22/02/1997 để bán đấu giá thi hành các khoản nợ mà vợ chồng ông M còn nợ. Ngày 31/3/2021, Chi cục THADS huyện T đã chuyển cho Ngân hàng số tiền 672.809.590 đồng là số tiền bảo lãnh của ông M, số tiền còn lại ông L1 đã trả xong cho Ngân hàng, Ngân hàng xác nhận đã thi hành án xong. Ông L1 không có ý kiến hay yêu cầu trong vụ án này.

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng trình bày: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng đang thụ lý thi hành án đối với ông Huỳnh Văn M và bà Lê Thị D gồm Bản án, Quyết định sau:

+ Căn cứ Quyết định số 82/2012/QĐST-DS ngày 23/08/2012 của TAND huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp và Quyết định thi hành án số 349/QĐ-CCTHA ngày 08/07/2015 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện T, buộc ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D liên đới nộp án phí 5.750.000 đồng.

+ Căn cứ Bản án số 46/2014/DS-PT ngày 18/04/2014 của TAND tỉnh Đồng Tháp và Quyết định thi hành án số 370/QĐ-CCTHA ngày 27/07/2015 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện T, buộc ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D liên đới nộp án phí 3.120.000 đồng.

_+ Căn cứ Bản án số 24/2016/DS-PT ngày 29/01/2016 của TAND tỉnh Đồng Tháp và Quyết định thi hành án số 366/QĐ-CCTHA ngày 15/04/2016 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện T, buộc ông Huỳnh văn M, bà Lê Thị D liên đới nộp án phi 25.106.000 đồng..

+ Căn cứ Quyết định số 82/2012/QĐST-DS ngày 23/08/2012 của TAND huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp và Quyết định thi hành án số 368/QĐ-CCTHA ngày 27/07/2015 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện T, buộc ông Huỳnh văn M, vợ là bà Lê Thị D liên đới trả bà Lê Kim N1 50 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng.

+ Căn cứ bản án số 46/2014/DS-PT ngày 18/04/2014 của TAND tỉnh Đồng Tháp và Quyết định thi hành án số 369/QĐ-CCTHA ngày 27/07/2015 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện T, buộc ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D liên đới trả cho bà Võ Thị C1 33.260.000 đồng, trả ông Nguyễn Văn D2 27.614.000 đồng, trả ông Nguyễn Văn C2 34.539.000 đồng và chịu tiền lãi suất chậm thi hành án.

+ Căn cứ Quyết định số 123/2011/QĐST-DS ngày 22/08/2011 của TAND huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp và Quyết định thi hành án số 386/QĐ-CCTHA ngày 05/08/2015 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện T, buộc ông Huỳnh văn M, bà Lê Thị D liên đới trả cho ông Nguyễn Hồng T1 số tiền 159.050.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án.

+ Căn cứ Quyết định số 02/2009/QĐST-KDTM ngày 31/03/2009 của TAND huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp và Quyết định thi hành án số 310/QĐ-CCTHA ngày 10/03/2016 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện T, buộc ông Huỳnh văn M, bà Lê Thị D liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm L3 số tiền 55.766.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án.

+ Căn cứ Bản án số 24/2016/DS-PT ngày 29/01/2016 của TAND tỉnh Đồng Tháp và Quyết định thi hành án số 365/QĐ-CCTHADS ngày 15/04/2016 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện T, buộc ông Huỳnh văn M, bà Lê Thị D liên đới trả cho ông Lâm Văn L1 số tiền 527.566.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án.

Ngoài ra ông M, bà D phải trả nợ thay cho V1 đối với tài sản đảm bảo nợ vay là quyền sử dụng đất diện tích 45.725m^2 tọa lạc tại xã V, huyện T cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1 (số tiền phải trả là 672.809.590đ). Đây cũng là tài sản duy nhất để đảm bảo thi hành nghĩa vụ của ông M, bà D tại huyện T.

Chấp hành viên đã nhiều lần vận động ông M, bà D tự nguyện thi hành án nhưng ông M, bà D không chấp hành án. Thời gian tự nguyện thi hành án đã hết, Chấp hành viên áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất đang thế chấp thuộc thửa đất số 367 và thửa 368, tờ bản đồ số 07, loại đất trồng lúa, diện tích đo thực tế là 43.621m^2, tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An do ông Huỳnh Văn M đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 22/02/1997. Tài sản kê biên bán đấu giá ưu tiên khoản trả nợ Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1 và khoản phải thi hành án nêu trên.

Tài sản kê biên đưa ra bán đấu giá công khai theo thủ tục luật định, sau 04 lần giảm giá đến lần bán thứ 05 thì có người đăng ký mua. Theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 003/HĐMB/MNAS ngày 13 tháng 01 năm 2021 và biên bản bán đấu giá tài sản ngày 13 tháng 01 năm 2021 của Doanh Nghiệp Đ2 thì người mua trúng đấu giá tài sản là ông Nguyễn Thiện T2, sinh năm 1987, địa

chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp với số tiền mua trúng đấu giá là 1.700.000.000đ *(Một tỷ, bảy trăm triệu đồng)*.

Do ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D không tự nguyện giao tài sản đấu giá thành nên Chấp hành viên Chi cục thi hành án đã phối hợp cơ quan chức năng, Ủy ban xã V cưỡng chế giao tài sản cho ông Nguyễn Thiện T2 là người mua được tài sản bán đấu giá vào ngày 24/3/2021.

Ngày 25/3/2024, Chấp hành viên ban hành công văn số 161/ĐN.CCTHA về việc đề nghị Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1 cung cấp số tài khoản cũng như số tiền mà ông M, bà D còn phải trả cho Ngân hàng để Chi cục THADS huyện T chuyển trả theo quy định.

Đến ngày 29/3/2021 Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Đ1 đã ban hành công văn số 314/BIDV.ĐT về việc cung cấp thông tin về tài khoản cũng như số tiền mà ông M, bà D còn nợ Ngân hàng để Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng chuyển trả.

Ngày 30/3/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng chuyển tiền chi trả cho Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 với số tiền 672.809.590đồng đúng như số tiền phía Ngân hàng cung cấp.

Ngày 19/4/2021 phía Ngân hàng đã bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K249776 do Ủy ban huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 22/02/1997 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người mua trúng đấu giá tài sản.

Căn cứ Điều 106 Luật THADS, Chấp hành viên ban hành Công văn số 216/ĐN-CCTHADS ngày 20 tháng 4 năm 2021 đề nghị cơ quan chức năng thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho người mua được tài sản bán đấu giá theo quy định.

Ngày 20/4/2021 Chấp hành viên đã bàn giao toàn bộ hồ sơ liên quan thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thiện T2 là người mua được tài sản bán đấu giá để liên hệ cơ quan chức năng thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.

Số tiền bán đấu giá tài sản nói trên sau khi chi trả đảm bảo cho Ngân hàng nhưng không đủ đảm bảo trả nợ cho các bên được thi hành án nói trên.

Ngày 06/7/2021 Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Đ1 có Công văn số 702/BIDIV.ĐT về việc cung cấp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng biết về số tài khoản cũng như số tiền có trong tài khoản của ông Huỳnh Văn M mở tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đ1.

Ngày 22/11/2021 Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng ban hành Quyết định số 03/QĐ-CCTHADS về việc khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án của ông Huỳnh Văn M để đảm bảo thi hành án số tiền còn

lại mà ông M , bà D còn phải thi hành án gửi đến Ngân hàng yêu cầu Ngân hàng phối hợp thực hiện nhưng phía Ngân hàng không phối hợp

Tiếp tục đến ngày 07/12/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng ban hành Công văn số 472/CV-CCTHADS về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Đ1 phối hợp để chuyển số tiền 444.994.000đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) có trong tài khoản của ông Huỳnh Văn M để đảm đảm thi hành án. Nhưng phía Ngân hàng vẫn không phối hợp.

Sau đó Chấp hành viên nhiều lần liên hệ với Lãnh đạo của Ngân hàng TMCP Đ Chi nhánh Đ1 để phối hợp xử lý nhưng phía Ngân hàng không thống nhất với lý do hiện ông Huỳnh Văn M đang khiếu nại gây khó khăn, cản trở không thống nhất cho Ngân hàng chuyển số tiền theo Quyết định số 03/QĐ-CCTHADS ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng về việc khấu trừ tiền trong tài khoản của ông Huỳnh Văn M để đảm bảo thi hành án số tiền nói trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố C tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn M được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo số 16/TB-TA ngày 16/01/2024 của Tòa án Nhân dân thành phố C.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/9/2024 ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D có đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Văn M đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D, yêu cầu Ngân hàng trả lại cho ông M số tiền 665.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/02/2021 đến ngày 08/6/2024 (40 tháng) x 665.000.000đồng x 1,66%/tháng = 444.560.000đồng, tổng cộng vốn lãi là 1.106.560.000 đồng; yêu cầu Ngân hàng trả lại cho ông M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K249776, diện tích 45.725m^2, thuộc thửa 367, 368, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông ngày 22/02/1997. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 126/HĐ ngày 27/10/2010, thể hiện ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D có ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 (gọi tắt là Ngân hàng), tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K249776, diện tích 45.725m^2, thuộc thửa 367, 368, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, đất tọa lạc tại xã V, huyện T, tỉnh Long An do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông M ngày 22/02/1997 để đảm bảo khoản vay 435.000.000đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/543566/HĐTD ngày 10/10/2017 của ông Lâm Văn L1 - Chủ V1. Đến năm 2016, ông L1 - Chủ V1 mất khả năng trả nợ. Sau đó, Ngân hàng khởi kiện ông Lâm Văn L1 - Chủ V1. Ngày 20/3/2019, Tòa án nhân dân thành phố C ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-DS, theo đó Ngân hàng yêu cầu ông Lâm Văn L1 - Chủ V1 và cá nhân ông Lâm Văn L1 trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 700.000.000đồng và tiền lãi là 90.062.000đồng, tổng cộng vốn và lãi là 790.062.000đồng. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp số 87/2015/54566/HĐBĐ ký ngày 17/6/2015 giữa Ngân hàng với ông L1 và hợp đồng thế chấp số 126/HĐ ngày 27/10/2010 giữa Ngân hàng với ông M, bà D; ông L1 - Chủ V1 và cá nhân ông L1 đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vốn và tiền lãi là 790.062.000 đồng. Sau khi ông Lâm Văn L1 - Chủ V1 và cá nhân ông L1 trả xong cho Ngân hàng số tiền trên, ông L1 đồng ý nhận lại tài sản thế chấp.

Căn cứ đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản cá nhân ngày 08/02/2021 thể hiện ông M có mở tài khoản cá nhân và nộp tiền mặt, số tiền 665.000.000đồng tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1. Sau đó, ông L1 - Chủ V1 và cá nhân ông L1 không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng và ông M còn thiếu nhiều khoản nợ khác nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An có Công văn số 318/CV-THADS ngày 30/6/2021 đề nghị Ngân hàng

phong tỏa tài khoản cá nhân của ông M trên số tiền 665.000.000 đồng.

Ngày 25/3/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng có Công văn số 161/ĐN.CCTHA đề nghị Ngân hàng giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K249776, diện tích 45.725m^2, thuộc thửa 367, 368, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 22/02/1997 cho ông M để bán đấu giá thi hành các khoản nợ mà vợ chồng ông M còn phải thi hành án cho các chủ nợ mà bản án, quyết định đã có hiệu lực thi hành. Ngày 31/3/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng đã chuyển cho Ngân hàng số tiền 672.809.590đồng là số tiền vốn và lãi do ông M, bà D bảo lãnh vay nợ cho Doanh nghiệp tư nhận Vạn Lợi, số tiền còn lại ông L1 đã thanh toán xong cho Ngân hàng và Ngân hàng xác nhận đã thi hành án xong.

Ngày 19/4/2021, Ngân hàng lập biên bản giao trả tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K249776, diện tích 45.725m^2, thuộc thửa 367, 368, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông Huỳnh Văn M ngày 22/02/1997.

Tại Công văn số 472/CV-CCTHADS ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng đề nghị Ngân hàng chuyển số tiền của ông M theo Quyết định số 03/QĐ-CCTHA ngày 22/11/2021 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng về việc khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án cho các khoản nợ mà vợ chồng ông M còn phải thi hành án. Do đó, xét án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn M yêu cầu Ngân hàng trả lại cho ông số tiền 665.000.000đồng và tiền lãi tổng cộng 1.106.560.000đồng; yêu cầu Ngân hàng trả lại cho ông M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K249776, diện tích 45.725m^2, thuộc thửa 367, 368, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An cấp cho ông ngày 22/02/1997 là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa, ông M cho rằng ông Phan Văn C nguyên Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ1 ép buộc ông nộp số tiền 665.000.000đồng tại Ngân hàng chứ không phải ông tự nguyện mở tài khoản, nhưng ông M cũng không có làm đơn khởi kiện, nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu ông M phải xin lỗi Ngân hàng và những người có liên quan do làm mất thời gian, ảnh hưởng đến công việc của Ngân hàng và những người có liên quan nhưng Ngân hàng không làm đơn khởi kiện, nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[4] Đối với số tiền vay Ngân hàng, tại phiên tòa, ông M thừa nhận ông có bảo lãnh cho V1 vay số tiền 435.000.000 đồng nhưng các đương sự không có yêu cầu nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn M, bà

Lê Thị D là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, bà, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do ông M, bà D là người cao tuổi, nên được miễn tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, sửa bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Luật sư là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 166 của Bộ luật dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 131/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố C.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn M.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn M được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo số 16/TB-TA ngày 16/01/2024 của Tòa án Nhân dân thành phố C.

5. Án phí phúc thẩm: Miễn tiền án phí cho ông Huỳnh Văn M, bà Lê Thị D.

Bà Lê Thị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012717, ngày 12/19/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. C;
- TAND TP.C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội